

Bản án số: 69/2024/KDTM-PT

Ngày 06 - 9 - 2024

V/v “Tranh chấp giữa thành viên
công ty với công ty”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tửu

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Bà Lê Thị Tuyết Trinh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Phương Hà - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thanh Hoa - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 54/2024/TLPT-KDTM ngày 29 tháng 7 năm 2024 về việc “Tranh chấp giữa thành viên công ty với công ty”, do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 91/2024/KDTM-ST ngày 23 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2812/2024/QĐ-PT, ngày 25 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lã Xuân T, sinh năm 1970; Địa chỉ: Số B, ngõ C T, xã T, huyện T, Thành phố Hà Nội (có mặt).

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần T3 (sau đây gọi tắt là “Công ty T3”); Địa chỉ: I đường N, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 1976; Địa chỉ: Số E đường B, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Võ Phi Nhật H, sinh năm 1987; Địa chỉ: 13 khu nhà ở tầng (phân khu B), Tổ 2, ấp D, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- **Người kháng cáo:** Nguyên đơn Lã Xuân T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 11 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Lã Xuân T trình bày:

Năm 2017, ông T biết đến ông Võ Phi Nhật H (Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty T3) và Công ty T3 thông qua lớp học về bất động sản do ông H thực hiện. Tại lớp học này, ông H quảng bá về việc góp vốn vào Công ty T3 với dòng tiền bền vững, cam kết trả cho cổ đông góp vốn lợi nhuận phát sinh từ vốn thực góp vào Công ty là 20%/năm.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2017, ông T đã góp số vốn là 100.000.000 đồng để mua 10.000 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần) của Công ty T3 và được cấp Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần của Công ty T3. Tuy nhiên, kể từ khi ông T trở thành cổ đông của Công ty T3 thì ông T không được bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, cụ thể như: không được tham dự, phát biểu, biểu quyết trong các cuộc họp Đại hội cổ đông cũng như không được nhận cổ tức. Công ty T3 không thông báo cho ông T biết về tình hình hoạt động của Công ty, việc chia cổ tức theo quy định và các thông tin khác mà ông T được quyền biết theo quy định của pháp luật. Công ty T3 đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Công ty đối với cổ đông nên ông T đã nhiều lần đến trụ sở Công ty để yêu cầu Công ty T3 trả lại tiền vốn góp và chia tiền lãi trong thời gian góp vốn nhưng Công ty không giải quyết.

Tháng 8 năm 2022, thông qua Công ty L, ông T đã gửi văn bản số 115/2022/CV-TKBLAW ngày 11 tháng 8 năm 2022 đến ông Võ Phi Nhật H để yêu cầu trả lại 100.000.000 đồng tiền vốn góp. Tuy nhiên, đến nay Công ty T3 vẫn chưa giải quyết quyền lợi cho ông.

Nay, ông T yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty T3 trả lại cho ông T số tiền đã góp vốn là 100.000.000 đồng. Trường hợp Công ty T3 không thực hiện trả tiền thì tuyên ông T được quyền yêu cầu thi hành án dân sự có thẩm quyền thực hiện cưỡng chế đối với Công ty T3 để thu hồi số tiền trên.

Tại bản tự khai ngày 25 tháng 4 năm 2024 và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn Công ty T3 có ông Nguyễn Ngọc T1 là người đại diện theo ủy quyền, trình bày:

Vào ngày 30 và 31 tháng 12 năm 2017, ông T có tham gia chương trình sự kiện “*Làm chủ bất động sản*” do Công ty T3 tổ chức. Tại sự kiện này, ông T đã tham gia đầu tư vào Chương trình “*Kết Nghĩa Nhà Đầu Tư Thiên T2*” với số tiền 100.000.000 đồng trong 03 năm với các quyền lợi như sau:

+ Được tham gia vào cộng đồng các nhà đầu tư chất lượng, chọn lọc là những người thành công để cùng nhau hợp tác kinh doanh trên cả nước.

+ Được chia sẻ cơ hội để trở thành nhà đầu tư đầu tiên, tham gia vào các dự án bất động sản của Tập đoàn T3 tổ chức.

+ Được tư vấn và đào tạo trực tiếp với các chuyên gia, ban lãnh đạo của Công ty về kinh doanh, đầu tư trong thời gian 03 năm kể từ ngày đăng ký.

+ Được tham gia các buổi gặp mặt, đại hội, tiệc giao lưu, kết nối các doanh nghiệp và đầu tư từ các chuyên gia nước ngoài do Big Group mời.

+ Được tặng 10.000 cổ phần của Công ty B và sau đó chuyển số cổ phần này thành cổ phần Tập đoàn T3 và được đổi cổ phiếu trên sàn chứng khoán khi Tập đoàn T3 lên sàn.

Ông T đã nhận đầy đủ các quyền lợi của chương trình trên trong thời hạn 03 năm kể từ ngày tham gia Chương trình năm 2017 đến năm 2020. Cổ phần do ông T sở hữu đã được Công ty T3 cấp Sổ chứng nhận sở hữu cổ phần.

Như vậy, Công ty đã đảm bảo tất cả các quyền lợi của ông T khi tham gia Chương trình. Khoản tiền 100.000.000 đồng sẽ không được hoàn lại.

Ông T vẫn là cổ đông của Công ty T3 theo Sổ chứng nhận đã được cấp và vẫn được đảm bảo các quyền của cổ đông theo đúng quy định pháp luật. Phía Công ty T3 không có nghĩa vụ mua hay hoàn lại cổ phần của ông T nhưng ông T được quyền chuyển nhượng cổ phần sở hữu cho người khác theo giá thỏa thuận, Công ty T3 sẽ hỗ trợ làm các thủ tục xác nhận cho ông T.

- Tại phiên tòa, ông T bổ sung thêm yêu cầu khởi kiện là yêu cầu Công ty T3 nhận lại số cổ phần ông đang sở hữu là 14.000 và trả cho ông số tiền tương đương với 10.000 đồng/cổ phần.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 91/2024/KDTM-ST ngày 23 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã quyết định:

Căn cứ khoản 4 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 3 Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 114 Luật Doanh nghiệp năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lã Xuân T về việc yêu cầu Công ty T3 trả lại số tiền đã mua cổ phần là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng tương đương 10.000 (mười ngàn) cổ phần của ông Lã Xuân T trong Công ty T3.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

- Ngày 29 tháng 5 năm 2024, nguyên đơn Lã Xuân T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung:

Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ mà ông T đã cung cấp và theo sự thỏa thuận của Công ty T3, thì ông T là cổ đông của Công ty T3 sở hữu 14.000 cổ phần phổ thông, nhưng kể từ lúc ông T bắt đầu là cổ đông của Công ty T3 (ngày 31

tháng 12 năm 2017), phía Công ty T3 đã xâm phạm nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của ông T như: không thông báo, không cho ông T tham gia vào các cuộc họp của Công ty; không thông báo về hoạt động của Công ty cho các cổ đông biết; không chia cổ tức... Do đó, ông T đã khởi kiện Công ty T3 phải mua lại cổ phần của ông T theo quy định của pháp luật hoặc các biện pháp khác để bảo vệ quyền lợi của ông T, tuy nhiên không được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận.

Vì thế, ông T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T: Buộc Công ty T3 phải mua lại 14.000 cổ phần phổ thông của ông T theo quy định của pháp luật nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- ***Nguyên đơn Lã Xuân T trình bày:*** Giữ nguyên các lý do và yêu cầu kháng cáo như nêu trên và yêu cầu Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp năm 2020, theo đó chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, buộc Công ty T3 mua lại toàn bộ 14.000 cổ phần phổ thông của nguyên đơn theo giá 10.000 đồng/cổ phần.

- ***Ông Nguyễn Ngọc T1 là người đại diện theo ủy quyền của Công ty T3 trình bày:*** Bảo lưu lời trình bày như nội dung án sơ thẩm đã nêu trên, đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, không đồng ý đối với kháng cáo của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- ***Về tố tụng:*** Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không có vi phạm.

- ***Về nội dung:*** Khi giải quyết, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá toàn diện chứng cứ, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, không có căn cứ mới làm thay đổi nội dung vụ án, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Lã Xuân T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 91/2024/KDTM-ST ngày 23 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh tụng và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục:

[1] Tòa sơ thẩm xét xử và tuyên án ngày 23 tháng 5 năm 2024, đến ngày 29 tháng 5 năm 2024, nguyên đơn có đơn kháng cáo nên kháng cáo của nguyên đơn là hợp lệ, được xem xét tại cấp phúc thẩm theo Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa sơ thẩm xác định là đúng theo quy định tại khoản 4 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 3 Điều 38 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Phi Nhật H có đơn đề nghị vắng mặt trong quá trình tố tụng nên Tòa án xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- **Về nội dung:** Đối với kháng cáo của nguyên đơn ông Lã Xuân T, xét:

[1] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ và sự thừa nhận của bị đơn, có cơ sở xác định năm 2017, ông Lã Xuân T có mua 10.000 cổ phần của Công ty T3 với số tiền 100.000.000 đồng và đã được cấp Sổ chứng nhận sở hữu cổ phần ngày 31 tháng 12 năm 2017; đến ngày 03 tháng 01 năm 2018 được tặng thêm 4.000 cổ phần do được thưởng; tính đến nay, tổng số cổ phần ông T sở hữu là 14.000 cổ phần. Như vậy, ông T là cổ đông hợp pháp của Công ty T3 nên ông T được hưởng các quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông theo Điều lệ của Công ty cũng như quy định của pháp luật.

Công ty T3 cho rằng ông T được tặng 10.000 cổ phần của Công ty B và sau đó chuyển số cổ phần này thành cổ phần Tập đoàn T3 nhưng không cung cấp được hồ sơ chuyển đổi cổ phần này nên phần trình bày này của Công ty T3 là không có cơ sở.

Ông T cho rằng từ năm 2018 đến nay, Công ty T3 không thực hiện việc trả lãi 20%/năm trên số tiền 100.000.000 đồng mà ông đã góp vốn vào Công ty T3 phải có nghĩa vụ trả lại cho ông 100.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông T cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ thể hiện việc Công ty T3 có thỏa thuận trả lãi 20%/năm cho cổ đông cũng như buộc phải mua lại cổ phần của cổ đông khi cổ đông có yêu cầu. Tại phiên tòa, Công ty T3 không đồng ý trả lại số tiền đã mua cổ phần của ông T mà chỉ đồng ý hỗ trợ thủ tục cho ông T chuyển nhượng cổ phần cho người khác.

Theo điểm d khoản 1 Điều 114 Luật Doanh nghiệp năm 2014 quy định: “1. Cổ đông có các quyền sau đây: ... d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác...”;

Tại khoản d Điều 10 Điều lệ Công ty quy định về quyền của cổ đông: “Được tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông khác và cho người không phải là cổ đông, trừ trường hợp quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2020”;

Tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ Công ty T3 quy định về nghĩa vụ của cổ đông phổ thông: “Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần”.

Đối chiếu với điều luật và Điều lệ Công ty được viện dẫn nêu trên thì yêu cầu của ông T buộc Công ty T3 trả lại số tiền đã mua cổ phần của Công ty T3 là

không có căn cứ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ.

[2] Về yêu cầu buộc Công ty T3 mua lại toàn bộ số cổ phần ông T đang sở hữu:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 11 năm 2022 thì ông T chỉ yêu cầu Công ty T3 trả lại số tiền 100.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T bổ sung yêu cầu Công ty T3 mua lại 14.000 cổ phần với giá 10.000 đồng/cổ phần. Đây là yêu cầu mới của ông T và yêu cầu này vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét yêu cầu khởi kiện bổ sung này của ông T là đúng quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu về quyền yêu cầu thi hành án dân sự có thẩm quyền cưỡng chế tài sản của Công ty T3 trong trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ thanh toán:

Yêu cầu buộc Công ty T3 mua lại cổ phần của ông T không được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận như đã nêu trên. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm cũng không chấp nhận yêu cầu của ông T về quyền yêu cầu thi hành án dân sự có thẩm quyền cưỡng chế tài sản của Công ty T3 trong trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ thanh toán là có căn cứ.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát; không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Lã Xuân T, giữ nguyên án sơ thẩm.

[5] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên nguyên đơn ông Lã Xuân T phải nộp 2.000.000 đồng, được khấu trừ 2.000.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005047 ngày 19 tháng 6 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, nên không phải nộp thêm.

[6] Quyết định khác của án sơ thẩm về án phí không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 3 Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273, Điều 296, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 114 Luật Doanh nghiệp năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Lã Xuân T, giữ nguyên án sơ thẩm.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lã Xuân T về việc yêu cầu Công ty Cổ phần T3 trả lại số tiền đã mua cổ phần là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng tương đương 10.000 (mười ngàn) cổ phần của ông Lã Xuân T trong Công ty Cổ phần T3.

3. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Ông Lã Xuân T phải nộp 2.000.000 đồng, được khấu trừ 2.000.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005047 ngày 19 tháng 6 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, nên không phải nộp thêm.

4. Quyết định khác của án sơ thẩm về án phí không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VT (5), HS (2), 18b, (TK-PH).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tửu